

1. Chọn từ điền vào chỗ trống

看看

每

点

刻

年

晚上

早上

睡觉

- (1) 现在几_____?
- (2) 现在八点一_____。
- (3) 我_____天下午都去操场锻炼身体。
- (4) 我每天_____七点半起床，八点吃早饭，八点四十五去教室。
- (5) 每_____都有很多留学生来中国学习。
- (6) 晚上，我散散步，_____电视或者朋友一起聊聊天儿。
- (7) 你_____几点睡觉?
- (8) 晚上我十一点半_____。

2. Điền các hoạt động tương ứng với hình ảnh



3. 现在几点?

